TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 14/6/2019.
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2019/TLST- DS, ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS, ngày 06/05/2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Bá H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N – Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N – Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi liên quan: Chị Lê Thị X, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N.

Đại diện theo ủy quyền của chị X: Anh Phạm Bá H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019) – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Bá H trình bày:*

Vào ngày 29/12/2016 âm lịch (viết tắt AL) tức trùng ngày 26/01/2017 dương lịch (viết tắt DL) vợ chồng tôi có cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 53.000.000 đồng *(Năm mươi ba triệu đồng)* hai bên có viết giấy nợ với nhau nhưng không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả vào tết nguyên đán năm 2017 (ngày 30 tháng 12 năm 2017 (AL) tức trùng ngày 15/02/2018 (DL).

Ngày 26/01/2017 (DL) vợ chồng tôi tiếp tục cho chị Nguyễn Thị T vay thêm số tiền 220.000.000 *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)* khi cho vay hai bên có viết giấy tờ

vay, có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 2%/tháng nhưng không ghi vào giấy nợ, thời hạn trả vào ngày 20/12/2017 (DL). Tuy nhiên đến ngày 08/3/2019 (DL) chị T mới trả cho tôi số tiền 60.260.000 *(Sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn)* đồng trong đó: 50.000.000 đồng tiền mặt và 10.260.000 đồng tiền đổ xăng dầu. Số tiền còn lại chị T không thanh toán cho chúng tôi mặc dù tôi đã gặp và đòi nhiều lần.

Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu chị T phải trả số tiền gốc 53.000.000 và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 15/02/2018 (DL) đến ngày 14/6/2019 và số tiền gốc 159.740.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật đến ngày 14/6/2019.

Về án phí: Chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Chị T thừa nhận có nợ anh H và chị X tổng số tiền 273.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng)* hai bên có viết giấy vay nợ với nhau như anh H trình bày. Vào ngày 08/3/2019 (DL) tôi đã trả được 60.260.000 (*Sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn)* đồng. Số tiền này tôi trả vào số nợ gốc cho anh H và chị X. Đây là khoản nợ riêng của cá nhân tôi, không liên quan gì đến anh L (chồng của tôi). Nay anh Phạm Bá H khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số nợ còn thiếu và lãi suất theo quy định của pháp luật đến ngày kết thúc vụ án tôi đồng ý. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn tôi đề nghị vợ chồng anh H tạo điều kiện cho tôi được trả dần thành 02 đợt.

Về án phí tôi đồng ý chịu theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của chị Lê Thị X (vợ anh H):

Mọi việc thỏa thuận cho vay tiền của vợ chồng tôi đều làm việc trực tiếp với chị T, chị T ký tên trong giấy vay tiền. Đến nay chị T đã trả được 60.260.000 *(Sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn)* đồng. Nay chồng tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu chị T phải trả số tiền gốc còn lại và lãi suất cho đến khi kết thúc vụ án cho vợ chồng tôi.

* Ý kiến của anh Nguyễn Hồng L (chồng của chị T):

Việc vợ tôi (T) vay tiền của vợ chồng anh Phạm Bá H thì tôi có biết nhưng không biết nội dung thỏa thuận giữa hai bên như thế nào và cũng không được sử dụng số tiền này. Đến nay vợ tôi đã thanh toán được 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng là tiền riêng của vợ tôi và 10.260.000 đồng tiền xăng dầu từ cây xăng của gia đình nhưng tôi không có ý kiến, yêu cầu gì về việc này. Vợ tôi vay tiền của vợ chồng anh Phạm Bá H thì vợ tôi phải có trách nhiệm trả nợ chứ tôi không có liên quan gì nên tôi không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người có quyền lợi liên quan giữ nguyên ý kiến của mình, không bổ sung gì khác.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:***

Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chị Nguyễn Thị T không chấp hành quy định của pháp luật.

Tranh chấp được thụ lý, giải quyết là vụ án dân sự, cụ thể là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, được thụ lý, giải quyết đúng theo các Điều 26; 35; 39-BLTTDS 2015.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Bá H.

Chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Phạm Bá H và chị Lê Thị X số tiền gốc còn nợ sau khi đã khấu trừ số tiền chị T đã trả và lãi quá hạn là có căn cứ và buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án đồng thời tống đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định pháp luật nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu tại thôn 8, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của anh Phạm Bá H yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền 273.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật mà chị T đã ký giấy vay nợ ngày 29/12/2016 âm lịch (vết tắt AL) tức trùng ngày 26/01/2017 dương lịch (viết tắt DL). Cụ thể anh H có cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 53.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 16/11/2017 (AL) tức trùng ngày 02/01/2018 (DL). Và ngày 26/01/2017 (DL) vay thêm số tiền 220.000.000 đồng *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)* hai bên thỏa thuận bằng miệng với nhau lãi suất là 2%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay nợ, thời hạn trả vào ngày 20/12/2017 (DL).

Đến ngày 08/3/2019 chị T mới trả cho anh H số tiền 60.260.000 đồng *(Sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn)* đồng trong đó: 50.000.000 đồng tiền mặt và 10.260.000 đồng tiền đổ xăng dầu. Do đó anh Phạm Bá H khởi kiện chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc còn lại và lãi suất theo quy định của pháp luật; Bị đơn chị Nguyễn Thị T đồng ý số nợ như nguyên đơn trình bày nhưng xin trả thành 02 đợt và đồng ý trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật

là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự giao nộp chứng cứ gốc là giấy vay tiền ngày 29/12/2016 (AL) và giấy vay tiền ngày 26/01/2017 (DL) anh Phạm Bá H có cho chị Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 273.000.000 đồng. Đến ngày 08/3/2019 chị T mới trả cho anh H được số tiền 60.260.000 đồng trong đó: 50.000.000 đồng tiền mặt và 10.260.000 đồng tiền đổ xăng dầu và chị T cho rằng tất cả các khoản trả nợ nói trên được trừ vào số tiền gốc, anh H cho rằng số tiền 60.260.000 đồng chị T trả là tiền lãi. Tòa án đã tiến hành họp công khai chứng cứ cho các đương sự được biết; các đương sự đều thừa nhận chứng cứ trong hồ sơ là có thực, nhưng trong quá trình Tòa án hòa giải thì anh Phạm Bá H yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc còn lại và lãi suất thành 01 lần, chị T thừa nhận số nợ nói trên là đúng nhưng xin anh H cho trả thành 02 đợt. Do các bên không thống nhất được với nhau về việc số tiền chị T đã trả là tiền lãi hay là tiền gốc và thời hạn trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Giấy vay tiền ngày 29/12/2016 (AL) với số tiền 53.000.000 đồng và giấy vay tiền ngày 26/01/2017 (DL) với số tiền 220.000.000. Các đương sự đều thừa nhận là có thực nên không cần phải chứng minh.

Việc vay mượn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ anh Phạm Bá H đã đến gặp chị Nguyễn Thị T để yêu cầu trả nợ và được chị T trả số tiền 60.260.000 đồng, chị T cho rằng số tiền nói trên được trừ vào số tiền gốc, số tiền còn lại chị T vẫn không chịu trả nên anh H làm đơn khởi kiện. Như vậy chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

[5] Xét giấy vay nợ ngày 29/12/2016 (AL) hai bên không có thỏa thuận về lãi suất với nhau; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay anh Phạm Bá H yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi kết thúc vụ án. Khi cho vay do các đương sự không thỏa thuận với nhau về lãi suất, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu lãi suất quá hạn. Nên HĐXX cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, được quy định tại Điều 468 để tính lãi suất cụ thể như sau:

Đối với số tiền 53.000.000 x 0,83%/tháng (10%/năm) x 16 tháng (tính từ ngày 15/02/2018 đến ngày 14/6/2019 là 16 tháng) = 7.038.400 đồng *(Bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng).*

[6] Xét giấy vay nợ ngày 26/01/2017 (DL) với số tiền 220.000.000 đồng các đương sự có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng (bằng miệng) nhưng không ghi vào giấy vay, có thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Ngoài ra anh H cũng thừa nhận đã nhận của chị T số tiền 60.260.000 đồng, trong đó: 50.000.000 đồng tiền mặt và 10.260.000 đồng tiền đổ xăng dầu. Tuy nhiên khi nhận tiền từ chị T thì giữa anh H và chị T không nói rõ là nhận tiền lãi hay là tiền gốc. Nay chị T cho rằng tất cả các khoản trả nợ nói trên được trừ vào số tiền gốc mà chị T đã nợ anh H. Do anh H

không chứng minh được số tiền 60.260.000 đồng là tiền lãi do chị T trả, nên HĐXX cần khấu trừ vào số tiền gốc cho chị T là có cơ sở.

Mặc khác do các đương sự có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nên HĐXX tính lãi suất cụ thể như sau:

* Lãi trong hạn do có tranh chấp:

220.000.00 x 0,83%/tháng (10%/năm) x 11 tháng (tính từ ngày 26/01/2017 đến ngày 20/12/2017) là 11 tháng = 20.086.000 đồng.

* Ngoài ra chị Tuyền còn phải trả lãi suất quá hạn cho anh Hay được pháp luật quy định là 15%/năm (tương đương 1,25%/tháng).

220.000.000 x 1,25%/tháng (15%/năm) x 14 tháng 17 ngày (tính từ ngày 21/12/2017 đến ngày 08/3/2019) là 14 tháng 17 ngày = 40.058.000 đồng.

[7] Xét việc chị Nguyễn Thị T trả cho anh H số tiền 60.260.000 đồng được trừ vào số nợ gốc mà chị T nợ, nên số tiền gốc tính đến ngày 08/3/2019 chị T còn nợ anh H là: 220.000.000 - 60.260.000 đồng = 159.740.000 đồng.

* Lãi quá hạn chị T còn nợ anh H tính từ ngày 08/3/2019 đến ngày 14/6/2019 là: 159.740.000 đồng x 1,25%/tháng x 3 tháng = 5.990.000 đồng.

Như vậy tổng hai khoản vay và lãi suất là:

53.000.000 + 6.789.000 + 159.740.000 + 20.086.000 + 40.058.000 + 5.990.000 = 285.663.000 đồng *(Hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng)*.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá H. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Phạm Bá H và chị Lê Thị X số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 285.663.000 đồng *(Hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng)*.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Bá H đối với chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền là 285.663.000 đồng *(Hai trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng)* cho anh Phạm Bá H và chị Lê Thị X. Trong đó số tiền gốc còn lại là 53.000.000 đồng + 159.740.000 đồng = 212.740.000 đồng *(Hai trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)*;Tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn 72.923.000 đồng *(Bảy mươi hai triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).*

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự là 14.283.000 đồng *(Mười bốn triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng)*. Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 14.283.000 đồng *(Mười bốn triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng)*. Trả lại cho anh Phạm Bá H số tiền là 6.825.000 đồng *(Sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* anh Phạm Bá H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000672, ngày 18/2/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyệnTuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Phan Long Ca